TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẠC DƯƠNG** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/DS-ST
Ngày: 20/03/2025
V/v: "Kiện đòi tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC DƯƠNG, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy V

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Th;

2. Ông Dương Văn Nh.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Bùi Thị H – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạc D.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc D *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Th - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạc D, tỉnh Lâm Đ xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 38/2024/TLST- DS ngày 25 tháng 11 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXXST- DS ngày 04 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Đinh Thị H, sinh năm: 1966; Địa chỉ: Hẻm 38, Vạn Hạnh, phường 8, thành phố Đà L, tỉnh Lâm Đ.

- *Bị đơn*: Ông Trần N, sinh năm: 1955; Địa chỉ: Số 170 (Số mới 184) Langbi, thị trấn Lạc D, huyện Lạc D, tỉnh Lâm Đ.

- *Người làm chứng*: Bà Nguyễn Thị Lệ H, sinh năm: 1967. Địa chỉ: Số 267A Lang Bi, thị trấn Lạc D, huyện Lạc Dư, tỉnh Lâm Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện và thay đổi yêu cầu khởi kiện, bản tự khai, biên bản đối chất nguyên đơn bà Đinh Thị Hg trình bày:*

Bà Hvới ông N và người làm chứng bà H có quan hệ là anh em họ hàng nên quen biết nhau.

Vào ngày 14/2/2019 bà H giới thiệu ông Na đến nhà bà Hường đề nghị bà Hư cho ông N mượn tiền, do nể bà H nên bà H đã cho ông N mượn tiền hai lần cụ thể như sau:

+ Lần 1: Vào ngày 14/02/2019 tại nhà bà H số nhà 38 Vạn H, Phường 8, thành phố Đà L, tỉnh Lâm Đ, bà Hg cho ông N mượn số tiền là 50.000.000đ. Hai

bên lập giấy mượn tiền không ghi thời hạn trả nợ nhưng có thỏa thuận bằng miệng với nhau là ông Nam sẽ trả số tiền trên sau một tháng.

+ Lần 2: Vào ngày 12/3/2019 ông Nam mượn tiếp bà H số tiền là 50.000.000đ tại địa chỉ Cao Bá Q, Phường 7, thành phố Đà L, tỉnh Lâm Đ (thời điểm này bà H đang ở nhà người cháu). Hai bên có lập giấy mượn tiền tại nhà bà H và bà H có bắt ông N ghi thêm thời hạn trả nợ có nội dung là "hẹn thời gian 1 tháng trả".

Lý do việc mượn lần 1 chưa trả nhưng bà H tiếp tục cho mượn lần hai là vì thời điểm đó ông N làm nghề điện ở xã Đa Nh có một công nhân chết do tai nạn nghề nghiệp nên ông phải lo cho người công nhân đã mất chưa gom được tiền trả cho bà. Sau đó bà H lại gọi điện cho bà H nói ông N cần tiền giải quyết việc gia đình nên nể bà H, bà Hư tiếp tục cho ông N mượn lần 2.

Tổng số tiền bà Hư cho ông N mượn hai lần là 100.000.000đ. Hai giấy mượn tiền nêu trên đều hẹn thời hạn trả nợ là một tháng. Về lãi suất cả hai giấy vay tiền đều không có.

Hết thời hạn trả nợ, mặc dù bà H đã nhiều lần yêu cầu ông N trả số nợ trên nhưng ông N không trả. Ngày 05/7/2024, bà H tiếp tục nhắn tin đề nghị ông N trả nợ thì ông N có nhắn tin trả lời với bà H nội dung: "do điều kiện hiện nay đang gặp khó khăn đất đai không giao dịch được, chứ đâu phải không trả đâu chị" và ngày 15/12/2024 bà H tiếp tục nhắn tin: "Tôi đang cần tiền, vậy chú trả cho tôi 100.000.000đ được không chú, vì đưa tiền cho chú mượn nên tôi phải đi vay ngân hàng trả lãi từ tháng 02/2019 đến nay". Đối với tin nhắn thứ hai ông N im lặng không trả lời.

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/10/2024 bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông N trả số tiền gốc là 100.000.000đ và lãi suất 66,5 tháng: 100.000.000 X 0,83% X 66,5 tháng = 55.195.000đ. Tổng số tiền ông N phải thanh toán cho bà H cả gốc và lãi là 155.195.000đ.

Đến ngày 20/02/2025 bà H xác định thời hạn trả nợ đã hết nên làm đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về lãi suất là số tiền 55.195.000đ. Đồng thời bà H thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu ông N trả lại cho bà số tiền mà ông N mượn là 100.000.000đ tại hai giấy mượn tiền ngày 14/02/2019 và ngày 12/3/2019. Ngoài ra bà không yêu cầu gì thêm

** Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và biên bản đối chất bị đơn ông Trần N trình bày:*

Ông N thừa nhận vào ngày 14/02/2019 có mượn của bà H số tiền là 50.000.000đ. Việc nhận số tiền này tại nhà bà Hg do bà H giao trực tiếp cho ông N. Hai bên thỏa thuận miệng là 01 tháng sau sẽ trả số tiền 50.000.000đ tại giấy mượn tiền ngày 14/02/2019. Tuy nhiên đến hết thời hạn trả nợ ông N không có khả năng để trả theo như cam kết nên ông N tiếp tục viết thêm giấy mượn tiền vào ngày 12/3/2019. Mục đích viết giấy mượn tiền ngày 12/3/2019 là để hẹn 01 tháng sau sẽ trả nợ cho bà Hư. Ông Na thừa nhận giấy mượn tiền các ngày 14/2/2019 và 12/3/2019 đều là chữ ký và chữ viết của ông. Hai giấy mượn tiền đều do ông N là người trực tiếp viết tại nhà bà H. Tuy nhiên trên thực tế ông chỉ

nhận từ bà Hg số tiền là 50.000.000đ. Về lãi suất khi mượn tiền các bên không yêu cầu lãi suất nên ông N không đề cập đến nội dung này trong vụ án đang giải quyết và không có ý kiến gì về lãi suất. Đến thời điểm hiện nay ông N chưa trả bất kỳ số tiền nào cho bà H. Ông N có đơn đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện vì thời hạn trả nợ là một tháng mà đến thời điểm bà H khởi kiện đến Tòa án là đã 06 năm. Do đã hết thời hiệu khởi kiện nên ông N không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H. Ông khẳng định không làm đơn tố cáo đến Cơ quan điều tra, chỉ đề nghị Tòa án xác định nếu có yếu tố hình sự thì chuyển hồ sơ vụ án đến Cơ quan điều tra nếu không có yếu tố hình sự thì đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Ông N xác định số tiền bà H cho ông mượn là tiền của bà H đưa cho bà H. Ngoài ra ông không xuất trình chứng cứ gì, không trình bày và yêu cầu gì thêm.

- *Người làm chứng:* Bà H xác định toàn bộ lời khai của bà H là đúng. Bà H là người giới thiệu ông Nam đến gặp bà Hường và năn nỉ bà H cho ông N mượn số tiền 100.000.000đ cụ thể là hai lần vào ngày 14/2/2019 và 12/3/2019 mỗi lần 50.000.000đ. Do nể bà H nên bà H mới cho ông N mượn tiền. Bà H đề nghị Tòa án buộc ông N trả tiền cho bà H vì hiện nay hoàn cảnh bà H rất khó khăn, chồng bị bệnh ung thư. Toàn bộ số tiền trên là của bà H không liên quan gì đến bà H.

Tòa án nhân dân huyện Lạc Dư đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa, nguyên đơn (bà Đinh Thị H) xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về phần lãi suất và đề nghị Tòa án buộc ông Trần N phải trả lại tài sản mà bà H đã cho mượn số tiền gốc là 100.000.000đ.

Còn phía bị đơn (ông Trần N) thừa nhận hai giấy mượn tiền ngày 14/02/2019 và ngày 12/3/2019 đều do ông viết và ký, nhưng chỉ nhận 50.000.000đ từ bà H. Tại phiên tòa, ông N khai nhận ông viết giấy mượn tiền ngày 12/3/2019 để thay thế cho giấy mượn tiền ngày 14/02/2019, ông không lấy lại giấy mượn tiền ngày 14/2/2019 là do ông quên. Nguyên đơn khởi kiện đòi lại tài sản là 100.000.000đ theo hai giấy mượn tiền ngày 14/2/2019 và 12/3/2019 thì ông không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì ông cho rằng thời hạn trả nợ đã hết nên đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc D phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Dương không có ý kiến gì.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thời hiệu khởi kiện xác định lại quan hệ tranh chấp là Kiện đòi tài sản. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc ông Trần N phải thanh toán lại cho bà H số tiền 100.000.000đ theo như giấy mượn tiền ông N đã ký vào ngày 14/2/2019 và ngày 12/3/2019.

- Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch trên số tiền phải thanh toán cho bị đơn. Tuy nhiên ông N đã trên 60 tuổi và có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí cho bị đơn (ông Trần N)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Đinh Thị H và ông Trần N ký hai giấy mượn tiền (viết tay) cụ thể:

+ Vào ngày 14/02/2019 ông N mượn của bà H số tiền 50.000.000đ và hai bên thỏa thuận miệng thời hạn trả nợ là 01 tháng sẽ trả số tiền trên cho bà H

+ Vào ngày 12/3/2019; ông N mượn của bà H số tiền 50.000.000đ và hai bên thỏa thuận ghi trong giấy mượn tiền thời hạn trả nợ là 01 tháng sẽ trả số tiền trên cho bà H.

Ngày 04/10/2024, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả số tiền 100.000.000đ và lãi suất là 55.195.000đ. Bị đơn không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì cho rằng đã hết thời hiệu khởi kiện. Bị đơn có đơn đề nghị áp dụng thời hiệu, do đó đến ngày 20/2/2025 nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về lãi suất chỉ yêu cầu ông Nam trả lại số tiền đã mượn là 100.000.000đ nên phát sinh tranh chấp. Do đó thời điểm thụ lý Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" nay Tòa án xác định lại quan hệ tranh chấp là "Kiện đòi tài sản", bị đơn có nơi cư trú tại thị trấn Lạc D, huyện Lạc D, tỉnh Lâm Đ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lạc Dư theo quy định tại khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Bà Đinh Thị H cung cấp 02 giấy mượn tiền đề ngày 14/2/2019 và 12/3/2019. Ông N thừa nhận toàn bộ nội dung và chữ viết, chữ ký là do ông N viết

Nội dung tại giấy mượn tiền lập ngày 14/2/2019: "Tôi tên: Trần Nam ở tại 170 Lang B thị trấn Lạc D, huyện Lạc D có mượn của chị Hường ở tại 36 Vạn H, Phường , Đà L số tiền 50.000.000đ"

Nội dung tại giấy mượn tiền lập ngày 12/3/2019: "Tôi tên: Trần N ở tại 170 Lang Bi thị trấn Lạc D, huyện Lạc D có mượn của chị H ở tại 36 Vạn H, Phường , Đà L số tiền 50.000.000đ. Hẹn thời gian 01 tháng trả".

Ông N và bà H đều khai nhận đối với giấy mượn tiền ngày 14/2/2019 không ghi thời hạn trả nợ nhưng các bên thỏa thuận miệng xác định thời hạn trả nợ là 01 tháng (BL 56, 57). Đối với giấy mượn tiền ngày 12/3/2019 có thể hiện thời hạn trả nợ là 01 tháng. Các bên đều xác định hai giấy vay tiền đều không có lãi suất. Ông N cũng khẳng định chưa trả bất kỳ khoản tiền nào cho bà H.

Ông Nam chỉ thừa nhận có nhận tiền từ bà Hường tại nhà bà Hường với số tiền là 50.000.000đ. Đối với giấy mượn tiền ngày 12/3/2019 là giấy hẹn trả nợ cho giấy mượn tiền ngày 14/2/2019. Tuy nhiên thì ông xác định chính bản thân ông N viết thành hai giấy mượn khác nhau có nội dung như trên, ông cho rằng ông quên không lấy lại giấy mượn tiền ngày 14/2/2019, tuy chưa hết hạn trả nợ tức một tháng phải là ngày 14/03/2019 mới đến hạn trả nợ nhưng ông N cho rằng ngày 12/3/2019 ông N viết thêm giấy mượn tiền để gia hạn cho giấy mượn tiền ngày 14/2/2019 là mẫu thuẫn với chứng cứ nêu trên. Ông N cũng không

cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh cho ý kiến trên của mình. Ông N cũng xác định ông không làm đơn tố cáo đến Cơ quan điều tra xem xét việc cho mượn tiền có yêu tố hình sự hay không chỉ đề nghị Tòa án xem xét nếu có yếu tố hình sự thì chuyển vụ án nếu không có yếu tố hình sự thì đưa vụ án ra xét xử. (BL 34, 38, 57)

Hơn nữa, ông N cũng thừa nhận nội dung tin nhắn ngày 05/7/2024 và ngày 15/12/2024 như bà H trình bày là đúng; lý do ông không trả lời tin nhắn ngày 15/12/2024 là do thời điểm này Tòa án đã thụ lý vụ án nên không cần trả lời cho bà H. (BL 40)

Ngoải ra, người làm chứng bà H là người trực tiếp dẫn ông N gặp bà H để giới thiệu bà Hư cho ông N mượn tiền cũng xác định lời trình bày của bà H là đúng. Ông N cho rằng số tiền trên là của bà Hồng đưa cho bà H cho ông vay là không đúng, bà H khẳng định không liên quan đến số tiền trên chỉ chứng kiến việc ông N viết hai giấy mượn tiền. Bà có nói ông N ghi thêm thời hạn trả tiền vào ngày 12/3/2019 là phù hợp với chứng cứ có trong vụ án. (BL36)

Tại giấy mượn tiền ngày 14/2/2019 không thể hiện về thời hạn trả nợ nhưng bà H và ông N đều xác định thời hạn trả nợ là 01 tháng do đó căn cứ Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì các đương sự không cần chứng minh về sự việc này. Đối với giấy mượn tiền ngày 12/3/2019 có ghi rõ thời hạn trả nợ là 01 tháng. Ngày 04/10/2024 bà H khởi kiện yêu cầu ông N trả tiền gốc và lãi phát sinh, đồng thời ông N có đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 184, Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015 là thuộc trường hợp hết thời hiệu khởi kiện. Tuy nhiên đến ngày 20/02/2025 bà H có đơn rút phần yêu cầu khởi kiện về lãi suất chỉ yêu cầu kiện đòi tài sản đối với số tiền gốc là 100.000.000đ là không trái với quy định tại khoản 2 Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, có quyền "Thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện" và thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 155 của Bộ luật dân sự năm 2015: Không áp dụng thời hiệu khởi kiện đã được giải đáp tại mục 3 phần III Công văn số 02/TANDTC - PC ngày 02/8/2021 của Tòa án nhân dân tối cao.

Do đó Hội đồng xét xử có căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền 100.000.000đ theo hai giấy mượn tiền ngày 14/2/2019 và ngày 12/3/2019.

Đối với phần lãi suất bà H yêu cầu ông Nam trả là 55.195.000đ thì vào ngày 20/2/2025 bà H đã có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện do đó Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này là đúng quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Bị đơn (ông Trần N) phải chịu án phí trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn. Tuy nhiên ông N có đơn xin miễn án phí thuộc trường hợp trên 60 tuổi nên miễn án phí cho bị đơn.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 184; khoản c Điều 217, Điều 218, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 155, Điều 166, Điều 429 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị H về phần lãi suất của số tiền gốc 100.000.000đ.

2. Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện "Kiện đòi tài sản" của bà Đinh Thị H: Buộc ông Trần N phải trả cho bà Đinh Thị H số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng chẵn)

3. Về án phí:

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bị đơn (ông Trần N)

- Hoàn trả cho bà Đinh Thị H số tiền 3.880.000đ (ba triệu tám trăm tám mươi ngàn đồng chẵn) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002140 ngày 25/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạc D.

"Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác".

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đ;
- VKSND huyện Lạc D;
- Chị cục THADS huyện Lạc D;
- Các đương sự;
- Lưu HS; AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thùy Vi

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thùy Vinh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Lạc Dương;
- Chị cục THADS huyện Lạc Dương;
- Các đương sự;
- Lưu HS; AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Phương Dung